

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KRÔNG PẮC  
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 28/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 18-9-2020  
V/v: “Ly hôn”.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Huyền Trang.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Xuân Mỹ.

2. Bà Mỏ Măng.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Bế Văn Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thùy Nguyên - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 158/2020/TLST - HNGĐ, ngày 12 tháng 5 năm 2020 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2020/QĐXXST-DS, ngày 04 tháng 9 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Anh Cù Ngọc T, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

Bị đơn: Chị Phạm Thị L, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Cù Ngọc T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng anh Cù Ngọc T, chị Phạm Thị L sau một thời gian quen biết, tìm hiểu và yêu thương nhau tự nguyện thì quyết định tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 11/11/2019.

Sau khi về chung sống với nhau vợ chồng anh T, chị L thường xuyên phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chính là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng

về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Mặt khác, giữa vợ chồng anh T, chị L không có con chung nên không thể hàn gắn tình cảm được với nhau. Hiện nay, mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, anh T làm đơn khởi kiện xin ly hôn với chị L tại Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc và có nguyện vọng là xin được ly hôn.

Về con chung: Anh Cù Ngọc T và chị Phạm Thị L không có con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh Cù Ngọc T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 22/6/2020, chị Phạm Thị L trình bày:*

Chị L và anh T đến với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 11/11/2019.

Sau khi về chung sống cùng anh T được một tháng thì vợ chồng anh chị xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do anh T không có lập trường, luôn nghe lời mẹ đẻ, không tôn trọng chị L. Hiện nay, vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2020, từ khi sống ly thân đến nay vợ chồng anh chị không hề liên lạc với nhau, chị L nhận thấy mục đích hôn nhân giữa vợ chồng anh chị không đạt được. Nay anh T nộp đơn xin ly hôn với chị L tại Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc thì ý kiến của chị L như sau: Hiện tại, giữa anh T và chị L đã không còn tình cảm với nhau, nếu chị L và anh T có quay lại sống cùng nhau thì cũng không hạnh phúc, việc anh T nộp đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc giải quyết cho anh T được ly hôn với chị L thì chị L đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Vì lý do công việc nên chị L làm đơn xin từ chối tham gia tố tụng và xin xét xử vắng mặt.

Về con chung: Chị Phạm Thị L và anh Cù Ngọc T không có con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Phạm Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 26 tháng 8 năm 2020, ông Ngô Văn T thôn trưởng thôn 1B, xã H, huyện K cho biết: Trong quá trình chung sống tại địa phương vợ chồng anh T, chị L có xảy ra mâu thuẫn và anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2020 đến nay. Hiện tại, giữa anh T và chị L chưa có con chung.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn chị Phạm Thị L đã có đơn xin xét xử vắng mặt, Tòa án cũng đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ cho chị Phạm Thị L để tham gia phiên tòa, tuy nhiên chị L vắng mặt, căn cứ vào Điều 227, Điều

228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn chị Phạm Thị L.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho anh Cù Ngọc T được ly hôn với chị Phạm Thị L; Về con chung: Anh Cù Ngọc T và chị Phạm Thị L không có con chung; Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự có mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện của anh Cù Ngọc T, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp về ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn anh Cù Ngọc T khởi kiện xin ly hôn với chị Phạm Thị L có nơi cư trú tại xã Hòa T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

Chị Phạm Thị L đã được Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc triệu tập đến phiên tòa để xét xử hợp lệ, nhưng chị L đã có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn chị Phạm Thị L.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa anh Cù Ngọc T và chị Phạm Thị L là hợp pháp, được pháp luật công nhận thể hiện tại Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 67 quyển 01/2019 ngày 11 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ vào lời khai của anh T, chị L, cũng như nội dung thông

tin của thôn trưởng thôn 1B, xã H, huyện K cung cấp thì Hội đồng xét xử nhận định mâu thuẫn giữa anh T và chị L là trầm trọng, không thể khắc phục được. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, không tôn trọng nhau trong cuộc sống. Do không thể tiếp tục chung sống với nhau nên anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2020 đến nay. Xét thấy, mục đích hôn nhân giữa anh T và chị L không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T về việc xin ly hôn với chị L là có cơ sở pháp luật.

Về con chung: Anh Cù Ngọc T và chị Phạm Thị L không có con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đề cập giải quyết.

[3] Về án phí: Anh Cù Ngọc T phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Xét thấy, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ ý kiến của Viện kiểm sát.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 246 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Cù Ngọc T.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Cù Ngọc T được ly hôn với chị Phạm Thị L.

- Về con chung: Anh Cù Ngọc T và chị Phạm Thị L không có con chung.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đề cập giải quyết.

- Về án phí: Anh Cù Ngọc T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm số tiền này được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai số AA/2019/0007395 ngày 12 tháng 5 năm 2020.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- THADS huyện K;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND xã H;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Đã ký)

**Phạm Thị Huyền Trang**